



# ĐẶC TRƯNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC SUỐT ĐỜI TẠI VIỆT NAM

PGS. TS. NGUYỄN TIẾN HÙNG  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Để thích nghi với thế giới nghề nghiệp trong thế kỷ XXI buộc người dân phải đương đầu với sự thay đổi nhanh chóng về thông tin và công nghệ mới. Những gì học được trong nhà trường có thể chưa đủ để hành nghề, nên phải thường xuyên lấp đầy "lỗ hổng kiến thức" giữa nhà trường và nơi làm việc. Hơn nữa, trong thời đại thông tin, kiến thức và năng lực trở thành nhân tố quan trọng cho việc cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và cá nhân, nên đòi hỏi người dân cần phải học suốt cuộc đời để thích nghi với thực tiễn. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục (HTGD) Việt Nam hiện nay còn chủ yếu theo kiểu thuyết trình, nên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc nuôi dưỡng các kĩ năng học tập trong cuộc sống tương lai của người học.

Trong bối cảnh như trên, phát triển các kĩ năng học suốt đời trở thành nhiệm vụ quan trọng nhất cho việc đảm bảo cạnh tranh của quốc gia. Vì vậy, cần cải cách căn bản và toàn diện HTGD để phát triển mô hình giáo dục suốt đời (GDSĐ) được nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện trong những năm gần đây. Bài viết này trình bày và phân tích các đặc trưng cơ bản làm tiền đề để xuất một số định hướng giải pháp chính nhằm xây dựng nền tảng mô hình GDSĐ tại Việt Nam.

## 1. Đặc trưng cơ bản của mô hình GDSĐ

Hiểu cách đơn giản thì GDSĐ liên quan đến đòi hỏi phải tạo ra nhiều cơ hội để người dân có thể học suốt đời. Tuy nhiên, có nhiều cơ hội học tập cũng chưa chắc là người dân sẽ tận dụng để học suốt đời, từ đó xuất hiện khái niệm học tập suốt đời với bao hàm nghĩa làm cho người dân ý thức được tầm quan trọng cần phải học suốt đời. Thực tế, GDSĐ không phải là ý tưởng mới và có nhiều cách hiểu khác nhau. GDSĐ lôi cuốn người học với tất cả lứa tuổi và xuất phát điểm khác nhau để thu nhận và ứng dụng kiến thức, kĩ năng vào các bối cảnh khác nhau. GDSĐ có thể tồn tại tại trong các tình huống khác nhau nơi người học sống và làm việc với các hình thức khác nhau, tự định hướng học tập khác nhau, học tập theo nhu/yêu cầu và học tập thường xuyên/suốt đời.

Khái quát, GDSĐ có thể hiểu như phương pháp tổ chức và thực hiện học tập đáp ứng nhu cầu người học trong suốt cuộc đời (từ lúc sinh ra đến khi chết) trong tất cả HTGD (chính quy và thường xuyên) (The Worldbank, 2004). GDSĐ làm thay đổi triết lí của dịch vụ giáo dục (GD) truyền thống theo cách dịch chuyển từ "đưa người học đến trường" (mô hình GD truyền thống) sang "đưa

GD đến với người học". Để đưa GD đến với người học thì mô hình GDSĐ đòi hỏi phải cho phép người học học cái mà họ cần trong suốt cuộc đời, nên hệ thống phải thay đổi từ cách tiếp cận với "người dạy là trung tâm" (mô hình GD truyền thống) sang cách tiếp cận lấy "người học làm trọng tâm" (Nguyễn Tiến Hùng, 2007).

Liên quan đến *cách học*, cách tiếp cận lấy người dạy là trung tâm chủ yếu tập trung vào kiểu học ghi nhớ và người dạy là người cung cấp kiến thức, còn người học là người nhắc lại/ghi nhớ, nên thường tiếp thu thụ động. Học tập ghi nhớ chủ yếu đánh giá thông qua thi/kiểm tra nên chưa chú trọng đến dạy cho người học cách kết nối và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, hình thành một số năng lực, đặc biệt là: giải quyết vấn đề, làm việc theo đội/nhóm, động cơ học suốt đời... thường khó đạt được. Ngược lại, mô hình GDSĐ với cách tiếp cận lấy người học làm trọng tâm buộc người dạy phải trở thành người tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập hơn là người truyền tải kiến thức, tức là dạy cách thu nhận kiến thức, kĩ năng. Vì vậy, *nội dung chương trình* trong mô hình GDSĐ phải được thiết kế dựa trên năng lực mà người học cần trong thực tế hơn là theo lứa tuổi. Cách tiếp cận dựa trên năng lực cho phép người học tiếp thu kiến thức mới dễ dàng hơn để vận dụng vào các tình huống khác nhau; đi đôi với cách đánh giá dựa trên các tiêu chí rõ ràng theo thời gian mà người học cần học, vì vậy giúp người học có khả năng tham dự "vào" và "ra" khỏi HTGD tại nhiều điểm khác nhau theo nhu cầu của họ.

Tiếp theo, để tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể ra vào HTGD theo nhu cầu của mình, thì mô hình GDSĐ phải thiết lập nhiều cơ hội học tập phù hợp với nhu cầu học tập của các nhóm dân số khác nhau theo các giai đoạn khác nhau của cuộc đời, vì vậy đòi hỏi HTGD phải *đa dạng, mở và liên thông* để cung cấp dịch vụ GD trong các bối cảnh khác nhau cho học chính quy (như tại trường phổ thông, các cơ sở đào tạo, đại học...) và học thường xuyên (như tại nơi làm việc, hộ gia đình...).

Cuối cùng, sự khác nhau về phạm vi, nội dung và cách thực hiện giữa mô hình truyền thống và GDSĐ được tóm tắt trong Bảng dưới đây (The World Bank, 2003) (xem bảng 1 trang 7)

## 2. Một số định hướng giải pháp xây dựng mô hình giáo dục suốt đời cho Việt Nam

Giống như các quốc gia khác, nếu muốn trở thành nền kinh tế dựa vào tri thức trong thời đại thông tin, Việt

**Bảng 1: Sự khác nhau giữa mô hình GD truyền thống và GDSĐ**

	<b>Mô hình truyền thống</b>	<b>Mô hình GDSĐ</b>
<b>Phạm vi học tập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học tập trong cơ sở giáo dục (CSGD) chính thống từ tiểu học tới đại học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học tập trong CSGD, tại chỗ làm việc và sau khi về hưu</li> </ul>
<b>Nội dung học tập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thu được và nhắc lại kiến thức</li> <li>Định hướng/dẫn dắt bởi chương trình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo ra, thu được và vận dụng kiến thức</li> <li>Đa dạng hóa các nguồn kiến thức</li> <li>Trao quyền cho người học</li> <li>Định hướng/dẫn dắt bởi năng lực</li> </ul>
<b>Thực hiện học tập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ hội và phương thức học tập bị hạn chế</li> <li>CSGD chính thống</li> <li>Kiểm soát tập trung thống nhất</li> <li>Định hướng bởi bên cung cấp dịch vụ GD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ hội và phương thức học tập đa dạng</li> <li>Các cách tiếp cận sư phạm mới</li> <li>Thực hiện với sự hỗ trợ của công nghệ</li> <li>Hệ thống phân cấp mềm dẻo/linh hoạt</li> <li>Định hướng bởi người học</li> </ul>

Nam phải xây dựng *nền tảng "GDSĐ"* cho người dân ngay từ bây giờ. Trong bối cảnh như vậy, các định hướng giải pháp được trình bày và phân tích dưới đây dựa trên cách tiếp cận phổ biến hiện nay là kết hợp GDSĐ vào cách tiếp cận GD (chính quy hay thường xuyên) và/hoặc quá trình GD (nội dung và hình thức); đi đôi với khắc phục các "cản trở" của HTGD và tâm lí học tập của người dân hiện nay để xây dựng nền tảng mô hình GDSĐ tại Việt Nam theo các đặc trưng trên. Cụ thể:

**2.1. Cung cấp nhiều cơ hội học tập suốt đời, đa dạng cho người học**

a) *Đổi cấu trúc HTGD theo hướng mở và liên thông.*  
 Để thiết lập mô hình GDSĐ, Việt Nam cần tận dụng các thế mạnh không chỉ của HTGD thường xuyên, mà cả HTGD chính quy rất mạnh của mình (như: các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo, đại học...). Tuy nhiên, cơ cấu HTGD Việt Nam hiện nay chưa đồng bộ, thiếu liên thông giữa các cấp học và các trình độ đào tạo (Chính phủ Cộng hòa XHCN Việt Nam, 2012), nên cần phải đổi mới HTGD theo hướng mở và liên thông để khắc phục các cản trở làm tắc nghẽn, ngăn cản cơ hội học tập và tạo ra cơ hội cho tất cả người học phát triển hết tiềm năng của mình trong tất cả các lĩnh vực.

Để làm được như vậy, mô hình GD truyền thống cần phải đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu của người học, như thông qua phát triển HTGD tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, khuyến khích các hoạt động học tập tại các hộ gia đình và cộng đồng.... Đồng thời phải phát triển tốt các quan hệ và hợp tác giữa các bên liên quan (như: các cơ quan quản lí, các CSGD chính quy và thường xuyên, các doanh nghiệp và cộng đồng và các cơ quan liên quan khác) để cải tiến HTGD đảm bảo liên thông cho phép người học có thể tiếp cận với các cơ hội học tập theo cách có thể vào và ra tại nhiều "điểm" khác nhau của HTGD để đáp ứng nhu cầu của mình.

b) *Đổi mới hệ thống tuyển chọn và thi cử.* Hiện nay, các tiêu chí tuyển chọn tại các giai đoạn khác nhau của

HTGD Việt Nam vẫn còn tập trung vào kết quả học thuật hơn là kết quả thực hiện và việc đánh giá chủ yếu theo hình thức thi viết đòi hỏi học thuộc lòng hay ghi nhớ, dẫn đến khuynh hướng phát triển trí tuệ hơn là phát triển toàn diện (thể chất, xã hội, thẩm mỹ...) cho người học. Kinh nghiệm tại các quốc gia trên thế giới cho thấy: Để đạt mục tiêu phát triển toàn diện thường đòi hỏi có HTGD cơ bản bắt buộc 09 năm hoặc 10 năm (Nguyễn Tiến Hùng, 2012), vì vậy không cần bất cứ cơ chế tuyển chọn nào sau giáo dục tiểu học, cũng như việc phân bổ học sinh vào tiểu học nên theo nguyên tắc ngẫu nhiên vào mạng lưới các trường gần nhau về không gian như hiện nay tại Việt Nam và quyền lựa chọn của cha mẹ học sinh để giảm thiểu tiêu cực trong GD.

Liên quan đến các kì thi quốc gia, hình thức/cách, nội dung và phương pháp thi/đánh giá cần được điều chỉnh lại theo hướng mềm dẻo và linh hoạt hơn để người học có thể chứng tỏ được tư duy độc lập và sáng tạo. Về phương pháp thi/đánh giá, người dạy cần được tiếp cận với các khả năng khác nhau (như: khả năng tổ chức, giao tiếp và hợp tác với người khác...), chứ không thể chỉ dừng ở cách thi viết truyền thống hiện nay để có thể khuyến khích người học tham dự vào các kiểu hoạt động học tập đa dạng khác nhau.

Về kì thi tuyển vào đại học, có thể cần xem xét thực hiện tổng thể cả đánh giá thực hiện về học thuật lẫn ngoài học thuật của người học để làm tiêu chí bổ sung cho các kết quả của thi tuyển quốc gia. Kết quả học tập tại trường phổ thông, hồ sơ/quá trình và kết quả học tập của người học cần được kết hợp xem xét thông qua các kì phỏng vấn trong khi đánh giá khả năng của người học để khuyến khích GD toàn diện và nâng cao khả năng của trường đại học trong việc đào tạo ra những người tốt nghiệp thật sự có chất lượng.

c) *Đổi mới nội dung chương trình, cải tiến phương pháp giảng dạy, cơ chế đánh giá và hệ thống văn bằng/chứng chỉ.* Phát triển thái độ và năng lực thường phải thông qua xây dựng kiến thức từ kinh nghiệm học tập/



kiến thức trước đó, vì vậy, chương trình GD phải xuất phát từ kinh nghiệm của người học. Để giúp người học phát triển toàn diện và có thái độ tích cực cho việc học suốt đời, thì cần phải cung cấp cho người học các kinh nghiệm học tập toàn diện và cân bằng, như: năng lực phát triển trí tuệ, kinh nghiệm cuộc sống, kinh nghiệm nghề nghiệp, dịch vụ cộng đồng và năng lực phát triển thể chất, thẩm mỹ... thông qua việc đổi mới chương trình dựa vào năng lực.

Hơn nữa, việc kết hợp các hình thức hoạt động học tập khác nhau (như: chính quy, thường xuyên, trong và ngoài lớp học) sẽ giúp người học có cuộc sống học tập đa dạng và thích thú, có thái độ và giá trị tích cực và rèn luyện tư duy độc lập, các kĩ năng phân tích, sáng tạo, giao tiếp cũng như cam kết của người học với xã hội và quốc gia.

Tiếp theo, là một phần của chương trình, chức năng chính của đánh giá là giúp người dạy và người học hiểu rõ về kết quả học tập, tiến trình/tiến bộ và nhu cầu, cũng như các mặt mạnh, yếu của người học. Người dạy cần xem xét các kết quả đánh giá này để lập kế hoạch bài giảng, thiết kế phương pháp giảng dạy và hướng dẫn cá nhân người học để giúp họ học tập hiệu quả và phát huy hết tiềm năng của mình. Để làm được như vậy, cần có quy định và chuẩn về đánh giá năng lực cơ bản theo các giai đoạn khác nhau của HTGD, đi đôi với cách đánh giá khác nhau để có bức tranh toàn diện về nhu cầu học tập của người học.

Cuối cùng, đi đôi với đổi mới cơ chế đánh giá, thì cần đổi mới hệ thống văn bằng chứng chỉ cho phù hợp với HTGD mở và liên thông thì mới đảm bảo cho người học có thể tiếp cận dễ dàng với các cơ hội học tập mới.

### **2.2. Tạo ra và tăng cường động cơ học tập suốt đời cho người dân**

Học tập là quá trình lí trí để xác định "học cái gì" và các mục tiêu học tập của cá nhân có thể được giải thích bởi lí thuyết về "lỗ hổng thông tin" (Loewenstein, 1994). Các cá nhân thường bắt đầu với cái mà họ biết từ trước (hoặc nghĩ là họ biết) về một chủ đề nào đó. Khi họ đương đầu với thực tiễn mới bên ngoài và nhận thấy mâu thuẫn với cái họ đã biết, thì lỗ hổng xuất hiện. Lỗ hổng được trải nghiệm ngay lập tức như một cảm giác không thỏa mãn và người học cảm thấy cần vượt qua.

Hơn nữa, thông thường, tất cả hành vi con người được định hướng bởi mục tiêu. Con người muốn sống khỏe mạnh, giàu có, nổi tiếng..., họ muốn chứng tỏ cá tính của mình và có khuynh hướng chống lại sự thống trị của người khác, họ muốn được thỏa mãn... Vì vậy, cách tiếp cận tốt nhất để tạo ra và tăng cường động cơ học tập là thực hiện cách tiếp cận "giải quyết vấn đề tồn tại/cản trở từng bước một" (Bhattacharya, 1987), vì vậy, cần xác định các lí do tại sao con người theo đuổi và cái gì cản trở việc HTSD của họ để khắc phục.

Các nghiên cứu gần đây còn cho thấy những cản trở để thực hiện HTSD với người trưởng thành chủ yếu do: không có thời gian, cần thời gian chăm sóc gia đình, thiếu thông tin về khóa học, không quan tâm đến học tập, không đáp ứng được yêu cầu tuyển sinh, tự cho mình quá già để tiếp tục học... Mặt khác, các cản trở đến từ HTGD, như: nhà trường phổ thông chưa đủ năng lực để trang bị cho tất cả học sinh các kiến thức và kĩ năng cơ bản, phù hợp và chất lượng cao làm nền tảng để tiếp cận học tập và làm việc suốt đời; hệ thống giáo dục và đào tạo hiện nay chưa có khả năng cung cấp đủ các cơ hội học tập phù hợp và chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của người học; người học phải chi trả phí cho giáo dục và đào tạo quá cao; hệ thống khuyến khích chưa phù hợp để định hướng học tập...

Vì vậy, cần có khung về HTSD để kết hợp các yếu tố trên như: động cơ, tham dự, GD, học tập, các nguồn lực xã hội... để tập trung vào người học. Xem xét cách tiếp cận học tập từng bước nhỏ/từng bước một của người học, để xác định các vai trò của cách học học tập mở và từ xa nhằm tạo ra và tăng cường động cơ HTSD cho người dân.

### **2.3. Phát triển chiến lược nguồn lực hiệu quả cho GDSĐ**

GD không chỉ giúp mỗi cá nhân nâng cao chất lượng và khả năng của mình, mà còn đóng góp cho sự phát triển và thịnh vượng của xã hội. Thành công của đổi mới GD theo định hướng GDSĐ sẽ mang lại lợi ích cho từng cá nhân và tất cả mọi người. Để thực hiện đổi mới này thì Việt Nam cần có thêm các nguồn lực bổ sung là hết sức cần thiết trong bối cảnh hạn hẹp về nguồn lực như hiện nay.

Vì vậy, bước đi đầu tiên của việc xây dựng nền tảng cho GDSĐ là xây dựng/phát triển các chiến lược phát triển và huy động nguồn lực thích hợp. Hiện nay, ngân sách chi cho GD tại Việt Nam chiếm 20%, nhưng vẫn chỉ đủ cho các hoạt động cơ bản/tối thiểu của GD, nên trước tiên cần xem xét toàn diện các nguồn lực công hiện nay dành cho GD để sắp xếp lại đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng.

Tuy nhiên, việc chỉ sử dụng hiệu quả các nguồn lực công cho GD như hiện nay tự nó không thể đáp ứng được các nhu cầu cho việc xây dựng thành công nền tảng GDSĐ, mà cần có cơ chế chính sách phù hợp để huy động thêm các nguồn lực từ xã hội. Thực tế, thông qua chính sách xã hội hóa GD ở Việt Nam hiện nay, các tổ chức xã hội, văn hóa, doanh nghiệp... đang sẵn sàng hỗ trợ và hợp tác với các CSGD để tăng cường nguồn lực và cung cấp các kinh nghiệm học tập đa dạng cho người học, và gia đình người học cũng đã và đang đóng một phần

*(Xem tiếp trang 60)*